

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG ĐIỀN  
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2020/HNGĐ-ST

Ngày 21-7-2020

Về việc “Ly hôn và tranh chấp  
về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Hoàng Đức.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Trần Thị Hoa.

2. Bà Nguyễn Thị Thủy.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Bá Khuyển – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Văn Long – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 523/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2020 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2020/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Ngọc L, sinh năm: 1991 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

*Bị đơn:* Anh Trần Văn M, sinh năm: 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số D27 tổ 2, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc L trình bày:*

Chị Trần Thị Ngọc L và anh Trần Văn M tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Hội, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào ngày 25-10-2013, theo Giấy chứng nhận kết hôn

số 61, quyền số 01/2013. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian sau này phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh M không lo phụ giúp kinh tế cho gia đình có khi còn đánh đập và có lời lẽ chửi bới xúc phạm thân thể, danh dự của chị L. Do vợ chồng sống với nhau không hòa hợp nên thường xuyên cãi nhau, không cùng quan điểm sống, mặc dù bị anh M đánh nhiều lần nhưng chị L vẫn bỏ qua để lo cho con cái nhưng đến nay mâu thuẫn trầm trọng nên chị L mới quyết định ly hôn để bảo đảm an toàn thân thể cũng như tinh thần tiếp tục cuộc sống sau này. Vì vậy, chị L yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L yêu cầu được ly hôn với anh M.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Quang K, sinh ngày 21-8-2014, hiện nay ở với chị L tại nhà của cha mẹ ruột của chị L và đang đi học mẫu giáo tại địa phương nên chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và yêu cầu anh M cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng. Về điều kiện nuôi con, hiện nay chị L làm nhân viên cây xăng tại xã Long Mỹ, huyện Đất Đỏ thu nhập khoảng 8.000.000đ/tháng, từ khi con còn nhỏ đến nay do chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc còn anh M đang là nhân viên của một cây xăng tại huyện Châu Đức thu nhập khoảng 7.000.000đ – 8.000.000đ nên chị L có điều kiện chăm sóc con tốt hơn anh M.

Về quan hệ tài sản: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo Bản tự khai và trong quá trình tố tụng bị đơn anh Trần Văn M trình bày:*

Anh M xác nhận lời trình bày của chị L về việc chung sống, kết hôn và con chung là đúng.

Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau này thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không ai còn quan tâm đến ai. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do trong quá trình chung sống chị L có thái độ khinh thường, không tôn trọng anh M. Cụ thể là chị L mang số tiền mà vợ chồng tích góp được đi làm việc riêng mà không có sự bàn bạc hay đồng ý của anh M. Sau khi phát hiện ra sự việc anh M và gia đình chị L có khuyên ngăn, nhưng chị L không nghe và vẫn tiếp tục làm theo ý của mình. Hậu quả dẫn đến việc vợ chồng ngày càng mâu thuẫn gay gắt, số tiền tích góp được mấy năm nay giờ không còn đồng nào.

Đến khoảng đầu năm 2019, anh M phát hiện chị L có mối quan hệ bên ngoài không trong sáng, thường xuyên hẹn hò uống cà phê nhắn tin tâm sự với người nào đó rất tình cảm. Bản thân anh M là chồng, khi phát hiện vợ mình có tình nhân, anh M rất đau lòng, hệt hảng và nhiều lần nói chuyện với chị L về vấn đề này, nhưng chị L không thừa nhận. Khi yêu cầu chứng minh sự trong sạch của mình chị L không chứng minh được mà còn đập nát điện thoại để hủy chứng cứ ngoại tình của mình. Sau khi chị L dọn nhà bỏ đi một thời gian anh M có đến nơi chị L ở để

khuyên quay về vợ chồng bỏ qua tất cả để làm lại từ đầu lo cho con cái nhưng chị L không chịu và quyết định ly hôn. Vợ chồng đã có một thời gian dài sống ly thân không hàn gắn được tình cảm, nhưng anh M không muốn ly hôn, mong muốn vợ chồng đoàn tụ để lo cho con cái. Trường hợp vợ chồng không hàn gắn được tình cảm mà chị L nhất quyết yêu cầu ly hôn thì anh M cũng đồng ý.

Về quan hệ con chung: Có 01 con chung là cháu Trần Quang K, sinh ngày 21-8-2014, anh M yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Anh M là nhân viên cây xăng ở Châu Đức, thu nhập bình quân khoảng 7.000.000đ/tháng và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Cháu Kiệt hiện nay đang ở với chị L tại nhà cha mẹ vợ tại huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Về quan hệ tài sản: Anh M cho rằng chị L có cho ông Trần Trọng N ở ấp M, xã L, huyện Đ muyện số tiền 65.000.000đ (có giấy nợ), đây là tài sản chung của vợ chồng nên yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, nhưng không làm đơn khởi kiện.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Anh M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do; chị L xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

*Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị L được ly hôn với anh M. Về quan hệ con chung giao cháu K cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh M không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu. Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ sau khi ly hôn được giải quyết theo quy định tại các điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được*

*tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa chị L xác định yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với anh M được xác định quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình tố tụng, chị L rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh M và chị L tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình tố tụng anh M và chị L thừa nhận vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn kinh tế, vợ chồng không tôn trọng và tin tưởng lẫn nhau. Vợ chồng đã có một thời gian dài sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau và xác định tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên anh M đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng là có thật đã một thời gian dài sống ly thân nhưng không hàn gắn được tình cảm. Vì vậy, chị L yêu cầu được ly hôn với anh M là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Trần Quang K, sinh ngày 21-8-2014, anh M và chị L đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của các bên thì thấy, khi vợ chồng ly hôn thì việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng phải xuất phát từ quyền lợi của con chưa thành niên, căn cứ vào điều kiện hoàn cảnh, khả năng của các bên và quy định của pháp luật có liên quan. Việc giao con cho ai nuôi phải đảm bảo cho con có điều kiện tốt nhất để phát triển về thể chất, tinh thần và nhân cách, anh M và chị L đều là nhân viên bán xăng dầu đều có thu nhập ổn định để lo cho con ăn học mà không yêu cầu người kia phải cấp dưỡng nuôi con, chị L đang công tác tại huyện Đất Đỏ thu nhập hàng tháng khoảng 8.000.000đ còn anh M đang công tác tại huyện Châu Đức thu nhập tháng khoảng 7.000.000đ; anh M thừa nhận trong thời gian vợ chồng sống ly thân cháu Kiệt ở với mẹ tại nhà của cha mẹ chị L tại huyện Đất Đỏ được chị L chăm sóc chu đáo, cháu vẫn phát triển, học hành bình thường, sức khỏe tốt còn anh M về xã Phước Tỉnh sinh sống từ đó đến nay. Để tránh làm ảnh hưởng đến quá trình sinh hoạt cũng như tâm sinh lý của cháu Kiệt nên giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Nếu như, trong quá trình chăm sóc nuôi dưỡng chị L không chăm lo cho con đầy đủ, chu đáo làm ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của con thì anh M có quyền yêu cầu Tòa án

có thẩm quyền giả quyết thay đổi việc nuôi con theo quy định của pháp luật. Vì vậy, chị L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Kiệt là có cơ sở chấp nhận và việc chị L không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên ghi nhận.

[3.3] Về quan hệ tài sản: Chị L không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong khi đó anh M cho rằng chị L có cho ông Trần Trọng N, cư ngụ tại ấp M, xã L, huyện Đ mượn số tiền 65.000.000đ (có giấy nợ), nhưng không làm đơn khởi kiện nên Tòa án không xem xét giải quyết. Trường hợp các bên có tranh chấp thì được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền xem xét, giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[4] Về án phí: Chị L là nguyên đơn nên phải nộp toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng.

***Vì các lẽ trên;***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 228, 244, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

***Tuyên xử:***

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ngọc L về việc yêu cầu anh Trần Văn M cấp dưỡng nuôi con.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ngọc L về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” đối với anh Trần Văn M.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc L được ly hôn với anh Trần Văn M.

- Về quan hệ con chung: Giao cháu Trần Quang K, sinh ngày 21-8-2014, cho chị Trần Thị Ngọc L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và anh Trần Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về quan hệ tài sản: Không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Ngọc L phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0002602 ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Đối với đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

*“Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Long Điền;
- CCTHA dân sự huyện Long Điền;
- UBND xã Phước Hội, huyện Đất Đỏ (số 61, quyển số 01/2013 ngày 25-10-2013);
- Lưu hồ sơ vụ án....

**Võ Hoàng Đức**